

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

KẾ HOẠCH

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG HỘI LHPN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2020

CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Công văn số 2633/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020;
- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam; chủ trương của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về việc tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội và xây mới trụ sở làm việc cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Tin học hoá công tác quản lý điều hành Hội LHPN Việt Nam và xây dựng cổng TTĐT Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2016-2018”.
- Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 1/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết 26-NQ/CP ngày 14/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW.
- Thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Ủy ban Quốc gia về UD CNTT số 249/TB-VPCP ngày 01/7/2014.
- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước”;
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 3/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Thông báo số 151-TB/TW ngày 22/4/2008 của Ban Bí thư Trung ương về việc định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 6/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển CNTT và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Luật Công nghệ thông tin, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Các văn bản quy phạm khác về CNTT;

I. MỤC TIÊU

I.1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường và mở rộng UD CNTT trong toàn hệ thống Hội nhằm nâng cao hiệu quả, khoa học, tiết kiệm thời gian, kinh phí trong các hoạt động Hội LHPN Việt Nam; cải cách các hoạt động quản lý điều hành (QLĐH) trong toàn hệ thống, tăng tính minh bạch trong các hoạt động của các cơ quan Hội; tăng cường sự hợp tác giữa các cấp Hội LHPN Việt Nam với Đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân trong xã hội góp phần thúc đẩy hoạt động Hội, phong trào phụ nữ Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; góp phần cải cách hành chính, xây

dựng Chính phủ điện tử, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Xây dựng Cổng thông tin điện tử (TTĐT) Hội LHPN Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi trong việc cung cấp, trao đổi thông tin điện tử trong hệ thống Hội, tổ chức Hội với hội viên, phụ nữ; thúc đẩy tuyên truyền, vận động, tập hợp phụ nữ thực hiện đúng chủ trương, chính sách của nhà nước; hỗ trợ có hiệu quả đối với phụ nữ trong các lĩnh vực đời sống, xã hội.

Các dịch vụ công được tích hợp tại Cổng, được cung cấp trực tuyến ít nhất là mức 3.

2.2. Xây dựng, phát triển và triển khai, mở rộng các phần mềm ứng dụng, CSDL ứng dụng trong toàn hệ thống Hội để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của Hội.

80% trở lên các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa cơ quan TW Hội với các cơ quan nhà nước, 70% trở lên các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa TW và các tỉnh/thành Hội dưới dạng điện tử (bao gồm cả văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

2.3. Đầu tư Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của Hội LHPN Việt Nam (01 điểm cầu trung tâm và 08 điểm cầu chi nhánh) đáp ứng nhu cầu họp trực tuyến của Hội; giảm thời gian, chi phí, công sức của Hội LHPN các cấp cho các hoạt động hội họp.

2.4. Đầu tư xây dựng CSHT kỹ thuật CNTT đảm bảo Cổng TTĐT, các hệ thống phần mềm ứng dụng hoạt động ổn định; tạo môi trường thông suốt, an toàn đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của Hội LHPN Việt Nam.

2.5. Đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chuyên trách CNTT và người sử dụng để nắm bắt được công nghệ mới ứng dụng trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

II.1. Xây dựng Cổng TTĐT Hội LHPN Việt Nam

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ Việt Nam trong và ngoài nước với mạng lưới tổ chức trên toàn quốc¹, các tổ chức Hội ở nước ngoài. Trên phương diện quốc tế, Hội là thành viên của Liên đoàn Phụ nữ quốc tế, Liên đoàn các tổ chức phụ nữ ASEAN; có quan hệ song phương và đa phương với trên 300 tổ chức ở gần 100 quốc gia trên khắp các châu lục. Do đó hình ảnh của Hội cần được khẳng định trên các phương tiện thông tin, đại chúng nói chung và Internet nói riêng.

Với nhiệm vụ tuyên truyền, đoàn kết, vận động, tổ chức, hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN; tham gia quản lý Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng; là tổ chức duy nhất đại diện cho phụ nữ Việt Nam Hội phải tham mưu, đề xuất được với Đảng, Nhà nước đề ra chính sách, chủ trương hữu hiệu cho sự tiến bộ của phụ nữ, bình đẳng giới..., Hội cần có công cụ hữu hiệu để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình, thông tin, tuyên truyền chính xác, kịp thời các chủ trương, định hướng, chỉ đạo, hoạt động đến các tầng lớp phụ nữ và cộng đồng.

Một Cổng TTĐT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, hoạt động hiệu quả là giải pháp hữu hiệu để Hội thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Nó không chỉ là kênh thông tin phổ dụng nhất, cung cấp thông tin nhanh, đa dạng, đầy đủ, phạm vi rộng, sức lan tỏa... nhanh nhất; là “văn phòng” đại diện Hội trên Internet; hỗ trợ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành; môi trường giao tiếp điện tử giữa các cơ quan Hội, Hội với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà nó còn tạo nên hình ảnh, thương hiệu của Hội.

Website hiện tại của Hội không chỉ không đáp ứng vai trò là đầu mối thu thập và cung cấp

¹ Hội có gần 12.000 cơ quan, trên 28.000 cán bộ Hội chuyên trách tại các cơ quan Hội ở cả 4 cấp tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước và trên 15,5 triệu hội viên

thông tin trong toàn hệ thống Hội, mà còn thể hiện sự hiện diện lạc hậu, lỗi thời, không chuyên nghiệp của Hội LHPN trên lĩnh vực truyền thông này. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh và hiệu quả công tác tuyên truyền vận động của Hội.

Như vậy, trong giai đoạn 2016-2020, Hội cần ưu tiên xây dựng Cổng TTĐT của Hội theo hướng là cổng tích hợp thông tin tích hợp của toàn hệ thống Hội; là tiếng nói của Hội trên Internet; là kênh truyền thông chính thức của Hội tới cán bộ, hội viên, phụ nữ và độc giả trong và ngoài nước. Cổng TTĐT Hội LHPN Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu:

- Công nghệ tiên tiến, đáp ứng các yêu cầu về kiến trúc, tùy biến, tích hợp dữ liệu, bảo mật; có khả năng cung cấp các SubPortal; là điểm truy cập duy nhất của Hội LHPN Việt Nam trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng, qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

- Phải giải quyết được các yêu cầu đang đặt ra, phù hợp với điều kiện thực tế của Hội; dễ dàng trong triển khai, vận hành, kế thừa dữ liệu từ Website hiện tại của Hội; linh động, sẵn sàng mở rộng, nâng cấp; an toàn, bảo mật dữ liệu; đáp ứng được các thay đổi...

- Đầy đủ các chức năng, đặc biệt là các nhóm chức năng: phần mềm công lõi; cung cấp dịch vụ tương tác ứng dụng quản lý hành chính công; cung cấp dịch vụ tương tác trực tuyến, tiện ích.

- Có cơ chế tự động tổng hợp (trích và bóc tách) thông tin từ các cổng/trang TTĐT trực thuộc, các cổng/trang TTĐT trên Internet và chia sẻ thông tin. Có chức năng kết nối, chia sẻ dữ liệu; quy trình kiểm duyệt thông tin xuất bản; ban hành được văn bản...

II.2. Ứng dụng CNTT trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam

Với nhu cầu về ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội, giai đoạn 2016-2020, Hội tập trung xây dựng, triển khai đồng bộ hệ thống email và các ứng dụng nội bộ nhằm phục vụ động quản lý, điều hành trong toàn hệ thống Hội; tạo môi trường thuận lợi để nắm bắt tình hình, phong trào phụ nữ.

Các phần mềm ứng dụng phải đáp ứng:

- Triển khai diện rộng từ TW tới địa phương;
- Công nghệ tiên tiến, khó khả năng mở rộng, nâng cấp, tích hợp với các hệ thống;
- Có khả năng truy xuất nhanh, chính xác
- Giao diện thuận lợi, thân thiện với người sử dụng
- Hỗ trợ quản lý, tổng hợp, thống kê số liệu trên quy mô toàn quốc, theo vùng, theo các chỉ tiêu đặc thù

Cụ thể các phần mềm ứng dụng cần ưu tiên xây dựng, triển khai giai đoạn 2016-2020:

2.1. Hệ thống email Hội LHPN Việt Nam chuyên nghiệp, bảo mật, an toàn, tạo môi trường để đẩy mạnh trao đổi thông tin điện tử trong hệ thống Hội, Hội với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Tăng cường sử dụng VBĐT, email là yêu cầu cấp bách của Thủ tướng Chính phủ¹ đối với các cơ quan quản lý nhà nước từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, việc sử dụng hệ thống email của Hội hiện nay còn hạn chế² do hệ thống chưa đáp ứng công nghệ, kỹ thuật và nhu cầu của người dùng.

Do đó, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam cần thiết phải nâng cấp hoặc xây dựng mới hệ thống email; đẩy mạnh các hoạt động triển khai hệ thống email trong các cấp Hội; xây dựng và ban hành quy chế sử dụng hệ thống email; tổ chức các khóa tập huấn bảo đảm cán bộ Hội các cấp sử dụng được email trong công việc...

¹ Chi thị 34/CT-TTg ngày 3/12/2018 và Chi thị 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

² Tỷ lệ người dùng hệ thống email của Hội thấp; rất nhiều người sử dụng các hệ thống email free để trao đổi thông tin liên quan đến công việc/

Hệ thống email phải được tích hợp với Cổng TTĐT của Hội, phần mềm quản lý VBĐT và điều hành tác nghiệp; là môi trường thuận tiện nhất cho cán bộ Hội có thể sử dụng hệ thống Email của Hội mọi lúc, mọi nơi có mạng. Đồng thời đáp ứng các điều kiện:

- Cung cấp một công cụ giúp người sử dụng tổ chức quản lý và lưu trữ toàn bộ thông tin, tài liệu trao đổi theo các mục đích khác nhau.

- Hệ thống phải cho phép nhận, soạn thảo, lưu tạm và gửi email thường, gửi mail đính kèm tệp; quản lý lịch làm việc cá nhân; quản lý sổ địa chỉ; tạo sổ tay để ghi chép, ghi nhớ các thông tin; cung cấp công cụ tìm kiếm email.

- Email server phải cho phép tích hợp với dịch vụ thư mục LDAP để quản lý thông tin và tài khoản của người sử dụng; cho phép người sử dụng truy cập máy chủ để đọc, lấy thư về qua các giao thức POP3 hoặc IMAP4; cho phép người gửi gửi thư cho người nhận qua máy chủ email qua giao thức SMTP.

- Hệ thống phải đảm bảo khách quan, hướng tới một hệ thống mở; đảm bảo khả năng tích hợp, kế thừa, nâng cấp; tích hợp với chữ ký số.

2.2 Xây dựng phần mềm QLCB Hội nhằm nâng cao hiệu quả quản lý cán bộ, công chức (CBCC), hội viên làm cơ sở để Hội LHPN các cấp tổ chức hoạt động phù hợp; tham mưu có hiệu quả với Đảng, Chính phủ về công tác cán bộ nữ, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

Ngoài công tác quản lý CBCC, Hội LHPN Việt Nam còn có trách nhiệm theo dõi sự phát triển của đội ngũ cán bộ nữ, tham mưu công tác cán bộ nữ cho các cấp uỷ Đảng; thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong toàn hệ thống Hội; quản lý, theo dõi hội viên (cơ cấu, vùng miền, lĩnh vực, sự biến động, chất lượng...)... Những hoạt động quản lý này hiện đang được Hội thực hiện bằng phương pháp thủ công, truyền thống nên còn nhiều hạn chế: thông tin cần quản lý không được cập nhật kịp thời, nghèo nàn, không liên tục, không đầy đủ do đó không đáp ứng công tác tham mưu, đề xuất về công tác cán bộ; thiếu thông tin cho lãnh đạo ra quyết định chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện...

Đã có nhiều giải pháp phần mềm được các cơ quan, tổ chức ứng dụng để giải quyết có hiệu quả bài toán quản lý nhân sự. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các giải pháp này đều mới chỉ mới đáp ứng nghiệp vụ quản lý nhân sự là cán bộ, người lao động trong cơ quan, tổ chức, chưa đáp ứng đồng thời các nghiệp vụ quản lý 3 đối tượng như nhu cầu đặc thù của Hội.

Do đó, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN ưu tiên xây dựng phần mềm QLCB Hội, hội viên đảm bảo việc theo dõi, quản lý đồng thời các đối tượng CBCC, cán bộ Hội, cán bộ nữ các cấp và hội viên phụ nữ.

Phần mềm phải đáp ứng:

- Quản lý danh mục: tổ chức, đơn vị, người dùng (phân cấp), CBCC, cán bộ nữ, hội viên...

- Đáp ứng các yêu cầu về quản lý các đối tượng cụ thể:

- + Quản lý CBCC: chi tiết, phù hợp với quy định, quy trình hiện hành về quản lý CBCC của Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức TW. Đáp ứng việc theo dõi nhân sự qua vị trí công việc, quá trình phát triển, khen thưởng, kỷ luật... Hỗ trợ việc quản lý cán bộ trong tổ chức Đảng, công đoàn, phụ nữ, đoàn thanh niên. Đáp ứng quy trình quản lý, xử lý công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

- + Quản lý cán bộ nữ: đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, báo cáo, theo dõi công tác cán bộ nữ từ các địa phương, bộ ngành. Việc quản lý, theo dõi, tổng hợp vừa thông suốt, vừa phân cấp theo địa phương.

- + Quản lý hội viên: đáp ứng nhu cầu quản lý hội viên của Hội LHPN gắn với quá trình thay đổi cơ cấu hội viên, hoạt động Hội đối với hội viên như: dạy nghề, tạo việc làm, cho vay vốn...

- + Quản lý công tác thi đua khen thưởng: tích hợp với phần mềm thi đua khen thưởng hiện có của Hội; phát triển phần mềm thi đua khen thưởng đảm bảo việc quản lý khen thưởng, kỷ luật của

cán bộ, hội viên, tổ chức Hội gắn hồ sơ cán bộ, hội viên, tổ chức; đáp ứng nhu cầu thống kê, hiển thị, theo dõi thông suốt.

- Đảm bảo việc quản lý các tài liệu liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ như Điều lệ hoạt động; đề án thành lập; quyết định thành lập; quyết định bổ nhiệm cán bộ... Có khả năng tự động ban hành các quyết định, thông báo liên quan đến cán bộ.

- Đáp ứng các nhu cầu về thống kê, báo cáo, tìm kiếm theo yêu cầu. Cho phép kết xuất các thông tin cần thiết ra máy in, hoặc các dạng dữ liệu điện tử phi cấu trúc như pdf, xls, doc...

2.3. Xây dựng phần mềm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ có hiệu quả công tác nắm tình hình, tư tưởng hội viên, phụ nữ; xây dựng các chương trình tuyên truyền, vận động và tổ chức các hoạt động phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ.

Với chức năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, công tác hỗ trợ phụ nữ giải quyết các vấn đề liên quan là nhiệm vụ tất yếu của Hội LHPN Việt Nam. Đặc biệt, với thực trạng thiếu hiểu biết về luật pháp chính sách của phụ nữ hiện nay, công tác này luôn được Hội quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Cùng với đó, việc nắm bắt và phản ánh kịp thời tình hình tư tưởng, các vấn đề liên quan đến hội viên, phụ nữ và dư luận xã hội về công tác phụ nữ, bình đẳng giới là nhiệm vụ cấp thiết của các cấp Hội. Những thông tin này không chỉ cần thiết đối với công tác chỉ đạo, định hướng hoạt động Hội, phong trào phụ nữ mà còn là cơ sở để Hội tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước các vấn đề liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới.

Tuy nhiên, việc nắm bắt và phản ánh các thông tin này trong toàn hệ thống Hội còn hạn chế. Nhiều vấn đề về sự việc liên quan đến phụ nữ Hội chỉ nắm bắt được khi đã trở thành sự việc, có sự lên tiếng của báo chí, các phương tiện truyền thông chính thống. Nguyên nhân do Hội không đủ cơ sở, vật chất, nguồn lực để thực hiện; quy trình thực hiện thủ công, truyền thống, chưa theo kịp sự phát triển khoa học công nghệ hiện nay, đặc biệt là sự bùng nổ thông tin trên Internet, các mạng xã hội.

Với thực trạng trên, giai đoạn 2016-2020 Hội cần ưu tiên UDCNTT như một giải pháp hữu hiệu để giải quyết bài toán nắm bắt, tiếp nhận kịp thời, xử lý có hiệu quả các thông tin liên quan tình hình tư tưởng, các vấn đề liên quan đến hội viên, phụ nữ và dư luận xã hội, hoạt động này.

Phần mềm phải đáp ứng:

- Xây dựng theo hướng Webbase, có giao diện thân mật, cởi mở, tin cậy, đảm bảo khả năng tiếp cận của mọi đối tượng, kể cả người dùng biết rất ít về CNTT.

- Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu thông tin đầu vào từ nhiều nguồn khác nhau như:

+ Tự động đọc, lọc, thu thập, tiếp nhận các thông tin liên quan đến phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới từ internet, các mạng xã hội.

+ Tự động đọc, lọc, thu thập, tiếp nhận thông tin từ hệ thống dữ liệu điện tử có sẵn của Hội như hệ thống báo cáo định kỳ, báo cáo nhanh.

+ Có cơ chế riêng cho việc thông tin nhanh của Hội LHPN các cấp.

+ Cho phép người dùng Internet cung cấp thông tin theo cơ chế thông tin, phản ánh trực tuyến của người dùng. Việc cung cấp thông tin theo chế độ bắt buộc (đối với các cấp Hội) và tự nguyện (đối với độc giả).

- Hỗ trợ công cụ cho phép thống kê, tổng hợp, phân tích thông tin theo từng lĩnh vực, địa phương, vấn đề, thời gian; đưa ra những cảnh báo mang tính cấp thiết theo yêu cầu cụ thể.

- Có khả năng hoạt động độc lập, cho phép cấu hình nguồn thông tin và phần mềm tự động truy vấn và lấy tin khi có tin mới phù hợp tiêu chí; cung cấp công cụ để người quản trị có thể quản lý, xử lý các thông tin đã thu thập được; công cụ để tra cứu, khai thác dữ liệu đã thu thập được

- Có cơ chế cung cấp, đẩy thông tin cho Cổng TTĐT của Hội, phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp để thông báo và phối hợp xử lý của TW Hội với Hội LHPN các cấp theo cơ chế quản lý công việc.

- Có khả năng bảo mật cao, đảm bảo an toàn dữ liệu đối với ngân hàng dữ liệu của Hội.

2.4. Nâng cấp phần mềm báo cáo cáo, thống kê Hội LHPN Việt Nam nhằm hỗ trợ có hiệu quả công tác thông tin, báo cáo, xây dựng kế hoạch hoạt động của Hội.

Công tác báo cáo tổng hợp có vai trò rất quan trọng trong công tác định hướng, chỉ đạo của Hội LHPN Việt Nam, được thực hiện thường xuyên, liên tục trong hệ thống Hội. Nền tảng của công tác này là hệ thống dữ liệu báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, số liệu phản ánh hoạt động từ các cấp Hội.

Phần mềm Báo cáo tổng hợp hiện tại mới đáp ứng nhu cầu tiếp nhận số liệu báo cáo thống kê từ cấp tỉnh/thành của cấp TW Hội, chưa đáp ứng nghiệp vụ tổng hợp số liệu tại các cấp Hội. Công việc này tại các cấp Hội vẫn được thực hiện theo phương thức thủ công, truyền thống. Bên cạnh đó, chức năng khai thác, tổng hợp, xử lý số liệu của phần mềm còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu, không linh hoạt, việc kiểm chứng thông tin phức tạp, hạn chế.

Cùng với đó, việc phân tích, xử lý, tổng hợp thông tin viết báo cáo của Hội hiện đang được thực hiện một cách thủ công truyền thống¹ nên không chỉ mất nhiều thời gian, công sức mà chất lượng báo cáo hạn chế. Chất lượng báo cáo tổng hợp tùy thuộc vào chất lượng, số lượng báo cáo của đơn vị cấp dưới; năng lực, kinh nghiệm, sự hiểu biết, thậm chí là ý chí chủ quan của người thực hiện. Báo cáo được xây dựng từ cấp dưới cũng tương tự như cấp TW Hội. Vì thế, bằng phương thức thực hiện này, sản phẩm báo cáo tổng hợp các cấp Hội không chỉ không đầy đủ, không bao quát hết thực trạng, hoạt động của các cấp Hội mà còn thiếu khách quan do phụ thuộc năng lực, kinh nghiệm và cả ý chí chủ quan của người thực hiện.

Với thực trạng đó, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam cần nâng cấp phần mềm tổng hợp báo cáo, thống kê của Hội để đáp ứng:

- Nhu cầu báo cáo, thống kê và quy trình nghiệp vụ tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo của Hội từ cơ sở tới TW Hội.

- Có cơ chế quản lý phân cấp, tập trung dữ liệu. Đảm bảo người dùng ở cấp trên theo dõi, quản lý, tổng hợp được thông tin, số liệu, dữ liệu từ các cấp dưới.

- Có khả năng so sánh số liệu, thông tin của các kỳ báo cáo; so sánh các thông tin, chỉ tiêu kế hoạch; kế thừa thông tin, dữ liệu, số liệu và tổng hợp số liệu theo định kỳ.

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng.

- Có khả năng tùy biến, mở rộng.

- Cho phép xây dựng hệ thống chỉ tiêu linh hoạt; mẫu báo cáo

- Có khả năng kết xuất thông tin báo cáo theo các mẫu định sẵn.

2.5. Xây dựng CSDL tài liệu lưu trữ điện tử nhằm tin học hóa công tác lưu trữ, đáp ứng nhu cầu quản lý, bảo quản, nghiên cứu, sử dụng tài liệu lưu trữ (TLLT) hiệu quả.

Hệ thống TLLT là sản phẩm có giá trị lịch sử của mỗi tổ chức, đơn vị. Là tổ chức duy nhất tại Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ đặc thù liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, hệ thống TLLT Hội LHPN Việt Nam cũng mang tính đặc thù, duy nhất, là thành phần quan trọng trong hệ thống lưu trữ nhà nước và có vai trò quan trọng quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội.

Hiện tại, cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam và một số tỉnh/thành Hội có khối TLLT rất lớn

¹ Đọc, chọn lọc, xử lý, tổng hợp thông tin từ báo cáo của các cơ quan Hội cấp dưới (Ở Trung ương Hội là báo cáo của 63 tỉnh thành và 2 đơn vị trực thuộc) trong thời gian rất ngắn (khoảng 20 ngày)

với nhiều tài liệu có giá trị lịch sử cao. Qua quá trình hoạt động, lượng tài liệu hàng năm cần lưu trữ rất lớn gồm cả văn bản số hóa và văn bản chưa số hóa. Tuy nhiên, công tác lưu trữ của Hội còn hạn chế: theo phương thức thủ công, truyền thống, hồ sơ, giấy tờ; chưa được ứng dụng CNTT mặc dù phần lớn văn bản giấy cần lưu trữ đã có bản mềm; nguồn tài liệu cần lưu trữ, bảo quản còn phân tán ở các ban, đơn vị, tỉnh/thành Hội (không có cán bộ có nghiệp vụ lưu trữ). Hệ thống TLLT còn cồng kềnh, thiếu tài liệu cần quản lý; mới chỉ quản lý được TLLT giấy, chưa quản lý được tài liệu số; thống kê, báo cáo, tìm kiếm, khai thác, hỗ trợ khai thác TLLT còn khó khăn, chưa kịp thời, mất nhiều thời gian, công sức. Bên cạnh đó, môi trường lưu trữ tài liệu¹ của Hội không được đảm bảo theo đúng nghiệp vụ lưu trữ nên tài liệu dễ hỏng, thất lạc, mất mát. Đặc biệt, với thực trạng xuống cấp của trụ sở, từ năm 2016 cơ quan TW Hội sẽ tiến hành di dời và xây mới trụ sở. Như vậy việc quản lý, lưu trữ, khai thác khối tài liệu lưu trữ đang là vấn đề đặt ra với cơ quan TW Hội.

Với những hạn chế trên công tác lưu trữ của Hội không chỉ không đáp ứng nhu cầu mà còn chưa thực hiện được quy định về quản lý TLLT điện tử theo chương II, nghị định 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ.

Trước thực trạng đó, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam cần ứng dụng CNTT trong công tác lưu trữ. CSDL lưu trữ điện tử không chỉ tiếp nhận hệ thống văn bản từ phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp mà còn là công cụ tối ưu để quản lý khối tài liệu lưu trữ hiện có của Hội, tiết kiệm kho bãi, nhân lực...

CSDL lưu trữ điện tử cần đáp ứng:

- Các quy trình tuân thủ Luật Lưu trữ và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP.
- Hệ thống phải tích hợp với Cổng TTĐT và phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Hội. Dữ liệu của hệ thống quản lý văn bản điều hành tác nghiệp là đầu vào của hệ thống lưu trữ theo quy định của nghiệp vụ lưu trữ.
- Đáp ứng đầy đủ các chức năng thu thập, làm sạch, phân loại, cập nhật, lưu trữ, khai thác, tra cứu tìm kiếm ... khả năng tích hợp với các nguồn dữ liệu khác nhau.
- Quản lý được đa dạng tài liệu: văn bản, ảnh, đa phương tiện.
- Giao diện thuận tiện, dễ sử dụng cho cả đối tượng quản lý và người khai thác dữ liệu.
- Đáp ứng nhu cầu tra cứu, tìm kiếm nhanh đối với tài liệu có dung lượng lớn như ảnh.

2.6. Xây dựng phần mềm Quản lý văn bản điện tử và điều hành tác nghiệp nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của Hội; tăng cường trao đổi, quản lý tài liệu số.

Quản lý, sử dụng VBĐT là xu thế tất yếu. Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, kiên quyết chỉ đạo các cơ quan Nhà nước tăng cường sử dụng VBĐT, QLĐH trên môi trường mạng.

Từ năm 2009 đến nay, cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam đã sử dụng 2 giải pháp quản lý văn bản của 2 nhà cung cấp dịch vụ phần mềm lớn², có lượng khách hàng đông theo hình thức thuê dịch vụ. Tuy nhiên, qua thực tế, việc sử dụng dịch vụ phần mềm bộc lộ những hạn chế sau:

- Là sản phẩm thương mại, đóng gói nên các giải pháp trên không phù hợp và đáp ứng thực trạng, nhu cầu quản lý văn bản, QLĐH của Hội³. Do đó hiệu quả sử dụng phần mềm không cao và người dùng có xu hướng xa rời phần mềm.

¹ Hội không có kho lưu trữ riêng, phải sử dụng phòng làm việc của cán bộ, phòng tạm trên sân thượng trụ sở để làm kho lưu trữ. Kho không chỉ không có các thiết bị bảo quản cơ bản mà còn không đảm bảo về an toàn như: nước tràn vào khi mưa, tài liệu bị ảnh hưởng của nắng nóng, ẩm mốc...

² Từ 2009-6/2015, Hội sử dụng giải pháp eOffice của BKAV; từ 7/2015 đến nay, Hội sử dụng giải pháp Green eOffice của VDC.

³ Số lượng account định sẵn, khả năng tùy biến hạn chế; không đáp ứng quy trình, nghiệp vụ; không đáp ứng nhu cầu mở rộng, tùy biến của người dùng cũng như các đối tượng tham gia vào hệ thống; hệ thống đóng nên không tích hợp được trang thông tin điện tử tổng hợp của Hội và các hệ thống phần mềm khác...

- Việc thay đổi giải pháp phần mềm mất nhiều thời gian, công sức từ việc lựa chọn giải pháp, đến triển khai, thực hiện. Đặc biệt, bảo toàn, kế thừa dữ liệu là việc hết sức khó khăn do các giải pháp khác nhau về cấu trúc, hệ thống dữ liệu mặc dù đã có quy định về chuẩn dữ liệu phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Kinh phí thuê dịch vụ phần mềm hàng năm¹ không nhỏ so với khoản kinh phí chi thường xuyên của Hội. Bên cạnh đó, Hội mất nhiều công sức, thời gian thực hiện thủ tục thuê dịch vụ hàng năm² mặc dù dịch vụ, chi phí và nhà cung cấp không thay đổi.

Cùng với đó, các giải pháp trên đều không đáp ứng việc triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống Hội từ TW đến địa phương, mới thực hiện được trong phạm vi cơ quan TW Hội. Mọi trao đổi, lưu chuyển văn bản trong hệ thống Hội vẫn theo phương thức truyền thống – văn bản giấy.

Với yêu cầu chỉ đạo, điều hành của BCH, Đoàn Chủ tịch TW Hội hiện nay, giai đoạn 2016-2020, Hội cần có hệ thống phần mềm quản lý VBĐT và điều hành tác nghiệp có phạm vi ứng dụng thống nhất trong toàn hệ thống Hội, đáp ứng các yêu cầu:

- Thống nhất quy trình điều hành tác nghiệp, hình thức tiếp nhận, lưu trữ, phổ biến, trao đổi, tìm kiếm, xử lý thông tin; giải quyết công việc trong phạm vi phòng, ban, đơn vị, hệ thống Hội;

- Xây dựng các kho VBĐT, khắc phục một cách cơ bản tình trạng cát cứ thông tin; cung cấp thông tin về văn bản phục vụ yêu cầu của lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn thuận tiện, chính xác, đầy đủ và kịp thời;

- Tạo lập, quản lý các hồ sơ VBĐT, thiết lập luồng theo dõi vết xử lý văn bản, lưu quá trình xử lý, hồi báo của văn bản; quản lý văn bản đi, đến, văn bản nội bộ, văn bản dự thảo Hội; dữ liệu phát sinh trong quá trình luân chuyển, xử lý văn bản (phiếu giao việc, phiếu trình, phiếu xử lý, các ý kiến trao đổi góp ý...) phục vụ tốt nhất cho công tác thông tin, quản lý, điều hành của Hội.

- Phân cấp văn thư theo thẩm quyền ban hành văn bản, tạo các Sub hệ thống quản lý, điều hành đa cấp (cấp cơ quan, cấp ban/đơn vị, cấp phòng).

- Hỗ trợ công tác lưu trữ văn bản, hồ sơ điện tử.

- Là thống mở, có khả năng tích hợp với Cổng TTĐT/Website Hội LHPN Việt Nam; hộp email của Hội và các thành phần khác để trao đổi thông tin.

- Đảm bảo khả năng kế thừa dữ liệu QLDH hiện tại của Hội LHPN Việt Nam đang chạy trên hệ thống phần mềm văn phòng điện tử eOffice.

- Đảm bảo đủ các yêu cầu về chức năng

- Có khả năng liên thông giữa với các phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử khác³. Đảm bảo khả năng trao đổi dữ liệu có cấu trúc giữa các hệ thống trong cơ quan nhà nước⁴.

2.7. Xây dựng CSDL quốc gia về phụ nữ:

Công tác phụ nữ luôn là vấn đề đặt ra cho các nhà lãnh đạo các cấp, các ngành, đặc biệt là Hội LHPN Việt Nam. Để làm tốt công tác này, cần có hệ thống thông tin liên quan đến phụ nữ thống nhất, xuyên suốt từ TW đến cơ sở, giữa các ban, ngành, tổ chức. Bên cạnh đó, CSDL chuyên ngành là nhu cầu thông tin cấp bách đối với mỗi cơ quan chuyên môn.

Một CSDL quốc gia về phụ nữ, giới và phát triển sẽ là hệ thống thông tin chính thức cung cấp thông tin chính thức, xác thực và đầy đủ cho các cấp lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, các

¹ Kinh phí thuê dịch vụ với 150 account truy nhập là từ 125-150 triệu đồng/năm.

² Quy trình, thủ tục hành chính thuê dịch vụ mất nhiều thời gian công sức của nhiều người: thành lập tổ mua sắm, tổ chức thầu, đánh giá hồ sơ kỹ thuật...; nghiệm thu kỹ thuật...

³ Công văn số 2803/BTTTT-TTH ngày 01/10/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước.

⁴ Hướng dẫn 3788/BTTTT-TTH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

cơ quan, cá nhân nghiên cứu giới, phụ nữ, các cơ quan Hội phụ nữ.

Là tổ chức duy nhất đại diện cho các tầng lớp phụ nữ, với những yêu cầu về quản lý, tiếp cận thông tin hiện nay, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam cần xây dựng, quản lý CSDL quốc gia về phụ nữ.

2.8. Xây dựng CSDL văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ

Nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho phụ nữ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp hội phụ nữ. Đặc biệt là công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, trợ giúp pháp lý, giúp chị em nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của mình trong gia đình và ngoài xã hội.

Trong những năm qua, cùng với việc ban hành các văn bản pháp quy đặc thù về công tác phụ nữ, Đảng, Chính phủ cũng đã lồng ghép công tác phụ nữ trong các văn bản pháp luật, chính sách chung.

Để giúp cán bộ Hội, các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, bản thân chị em phụ nữ cùng gia đình dễ dàng tiếp cận và tiếp cận hiệu quả với các văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam sẽ nghiên cứu xây dựng CSDL văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ.

Ngoài ra, giai đoạn 2106-2020, Hội LHPN cũng sẽ tăng cường sử dụng các phần mềm đã có, các phần mềm chuyên ngành như:

- Phần mềm quản lý đề án, dự án, chương trình.
- Phần mềm quản lý thư viện.
- Phần mềm quản lý tài sản (Cục Công sản Bộ Tài chính).
- Phần mềm quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.
- Phần mềm quản lý bán vé tham quan Bảo tàng.
- Phần mềm quản lý đảng viên, công đoàn viên.
- Phần mềm kế toán, tài chính...

II.3. Ứng dụng CNTT phục vụ hội viên, phụ nữ:

Hội LHPN Việt Nam là một tổ chức chính trị, xã hội hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ. Ngoài việc tổ chức các hoạt động, Hội còn là địa chỉ tin cậy cung cấp thông tin hỗ trợ phụ nữ xây dựng, tổ chức cuộc sống gia đình, chăm sóc sức khỏe; nâng cao kiến thức về luật pháp, chính sách; hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo...

Trong phạm vi ứng dụng này, giai đoạn 2016-2020, Hội LHPN Việt Nam sẽ triển khai xây dựng và đưa vào vận hành **Hệ thống tiếp nhận và tư vấn trực tuyến các vấn đề liên quan đến phụ nữ**. Đồng thời tạo cơ chế cung cấp các dịch vụ đăng ký trực tuyến.

3.1. Xây dựng phần mềm tiếp nhận và tư vấn các vấn đề về phụ nữ hỗ trợ công tác giải quyết đơn thư, tư vấn các vấn đề liên quan đến phụ nữ.

Với chức năng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, công tác hỗ trợ phụ nữ giải quyết các vấn đề liên quan là nhiệm vụ tất yếu của Hội LHPN Việt Nam. Đặc biệt, với thực trạng thiếu hiểu biết về luật pháp, chính sách của phụ nữ hiện nay, công tác này luôn được Hội quan tâm chỉ đạo và thực hiện.

Các cấp Hội đều đã tổ chức các hoạt động tiếp nhận, giải quyết đơn thư, hỗ trợ phụ nữ. Tuy nhiên hiệu quả hỗ trợ giải quyết và tư vấn các vấn đề liên quan đến phụ nữ của Hội chưa cao. Nguyên nhân do cơ sở vật chất, nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ này của Hội còn hạn chế; quy trình thực hiện nghiệp vụ còn thủ công, truyền thống; việc quản lý, theo dõi xử lý đơn thư, tổng hợp hoá các vấn đề chưa hiệu quả, chưa đáp ứng nhu cầu. Đặc biệt là cấp huyện, cơ sở.

Như vậy, Hội cần ứng dụng CNTT để xây dựng hệ thống tư vấn, hỗ trợ trực tuyến với hệ thống ngân hàng dữ liệu về luật pháp, chính sách liên quan phụ nữ, bình đẳng giới. Hệ thống này

không chỉ giải quyết được bài toán thiếu nhân lực, thiếu cơ sở vật chất mà đáp ứng nhanh nhu cầu khai thác, tiếp cận thông tin của cán bộ, hội viên. Hệ thống cần đáp ứng:

- Xây dựng theo hướng Webbase, giao diện thân thiện, dễ sử dụng, đảm bảo khả năng tiếp cận của mọi đối tượng, kể cả người dùng biết rất ít về CNTT

- Có khả năng tiếp nhận các thông tin hỏi đáp từ người dùng qua giao diện thân mật, cởi mở, tin cậy. Tự động đưa ra các câu trả lời từ cơ sở ngân hàng dữ liệu. Cập nhật các câu hỏi mới, hỗ trợ việc bổ sung câu hỏi vào ngân hàng dữ liệu.

- Cho phép người quản lý nội dung bổ sung các câu hỏi, đưa ra các câu trả lời đối với các ý kiến gửi đến Hội thông qua các phương thức khác như: thư, điện thoại, công văn...

- Có khả năng thống kê các lĩnh vực hội viên phụ nữ quan tâm, các vấn đề mới phát sinh thông qua các câu hỏi.

- Kết nối với phần mềm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới để tạo nên các câu hỏi đáp theo cơ chế đơn thư. Kết xuất được dữ liệu ra Cổng TTĐT, phục vụ hoạt động tuyên truyền, phổ biến luật pháp chính sách và hỗ trợ, vận động hội viên của Hội. Kết nối với phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp để thông báo và phối hợp xử lý của TW Hội với Hội LHPN các cấp theo cơ chế quản lý công việc.

- Có khả năng bảo mật cao, đảm bảo an toàn dữ liệu đối với ngân hàng câu hỏi, câu trả lời phục vụ công tác tư vấn của Hội.

- Có cơ chế lưu lại các bước xử lý nếu việc giải quyết vấn đề liên quan không chỉ dừng lại ở công tác tư vấn.

3.2. Xây dựng và cung cấp các dịch vụ trực tuyến

- Đăng ký xét tặng Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam
- Đăng ký xét tặng Giải thưởng Kovalepxkaia
- Đăng ký sản phẩm “Ngày phụ nữ sáng tạo”
- Đăng ký thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”
- Tuyển dụng công chức vào Hội LHPN Việt Nam

II.4 Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT phù hợp, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng.

Hạ tầng kỹ thuật CNTT phù hợp, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo sự thành công của kế hoạch. Giai đoạn 2016-2020, cùng với việc thuê dịch vụ phần cứng theo tinh thần Quyết định 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước, Hội sẽ tập trung nâng cấp, trang bị hạ tầng kỹ thuật, máy tính theo hướng hiện đại, đạt chuẩn và phù hợp với các hệ thống quy mô quốc gia, bảo đảm tích hợp, chia sẻ thông tin trong phạm vi toàn hệ thống Hội, hệ thống thông tin của Đảng, Chính phủ; đồng thời đảm bảo an toàn dữ liệu, an ninh mạng, cụ thể:

- Thuê dịch vụ phần cứng để triển khai Cổng thông tin điện tử, các phần mềm ứng dụng; đảm bảo duy trì hệ thống kỹ thuật hiện có.

- Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình, họp trực tuyến.
- Áp dụng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số.
- Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu Hội LHPN Việt Nam.
- Trang bị máy tính, hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp mạng LAN (tại cơ quan TW Hội), hình thành mạng diện rộng của Hội LHPN Việt Nam từ TW tới các tỉnh/thành Hội, kết nối với mạng Chính phủ và Đảng.

4.1. Thuê dịch vụ phần cứng để triển khai Cổng thông tin điện tử, các phần mềm ứng dụng; đảm bảo duy trì hệ thống kỹ thuật hiện có

Theo chủ trương tinh giảm biên chế, tinh thần Quyết định 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước, chủ trương của ĐCT TW Hội LHPN Việt Nam về việc xây dựng lại trụ sở làm việc, giai đoạn 2016-2020, Hội cần tăng cường sử dụng dịch vụ phần cứng để đảm bảo việc triển khai ứng dụng CNTT.

Bên cạnh đó, Hội cần đẩy mạnh việc sử dụng các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ xử lý sự cố máy tính.

Tiếp tục thuê dịch vụ truyền hình trực tuyến phục vụ các cuộc họp trực tuyến của Hội.

4.2. Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình (video conference):

Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình đã được Hội xác định là hạng mục thiết yếu tại Kế hoạch giai đoạn 2011-2015. Tuy nhiên, đến nay, Hội mới chỉ xây dựng được 01 điểm cầu tại cơ quan TW Hội (là điểm cầu nhánh của hệ thống truyền hình hội nghị của Viettel) sử dụng dịch vụ truyền hình hệ thống của Viettel.

Việc sử dụng dịch vụ theo hình thức này đã và đang đặt ra cho Hội nhiều khó khăn, hạn chế như: phụ thuộc vào thời gian bố trí, sắp xếp của đơn vị cho thuê dịch vụ; mất nhiều thời gian cho việc liên hệ, bố trí sắp xếp cuộc họp giữa Hội LHPN các tỉnh thành với các điểm truyền hình hội nghị của Viettel; chất lượng dịch vụ không cao, chưa đáp ứng nhu cầu của người họp, người tổ chức; hệ thống chưa đáp ứng nhu cầu quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin cuộc họp ...

Đặc biệt, chi phí cho hoạt động thuê dịch vụ này không nhỏ, gần 190 triệu/buổi (4 tiếng) cho cuộc họp trực tuyến có sự tham gia của điểm cầu TW Hội và 63 điểm cầu tại các tỉnh/thành Hội (trung bình 3 triệu/ điểm cầu)... Như vậy, một cuộc họp 2 ngày sẽ có chi phí là 760 triệu đồng. Với 10 cuộc họp trong 1 năm, chi phí cho hoạt động thuê dịch vụ này là trên 7 tỷ, tương đương với kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cầu truyền hình riêng của Hội với 1 điểm cầu chính và 8 điểm cầu nhánh tại các vùng miền trong cả nước.

Vậy, giải pháp xây hệ thống điểm cầu truyền hình hội nghị riêng để thực hiện các cuộc họp trực tuyến của Hội hiệu quả hơn rất nhiều so với phương án thuê dịch vụ. Với hệ thống này, Hội chủ động được các cuộc họp trực tuyến của mình. Chỉ phải thuê dịch vụ khi có các hội nghị trực tuyến lớn với lượng điểm cầu tham gia nhiều hơn 9 điểm và số lượng người tại mỗi điểm lớn.

Hệ thống hội nghị truyền hình cần đáp ứng yêu cầu:

- Phù hợp với số lượng, cách thức họp của Hội trong phạm vi toàn quốc với điểm cầu chính tại Hà Nội và 8 điểm nhánh tại các tỉnh/thành phố là trung tâm các vùng miền trên phạm vi cả nước. Chất lượng phát, truyền tín hiệu, hình ảnh cao, chi phí hợp lý, dễ dàng vận hành, quản lý, đáp ứng nhu cầu tham gia cuộc họp của cả cá nhân qua internet bằng các thiết bị cá nhân.

- Hệ thống có thể vận hành độc lập hoặc kết nối với hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của các nhà cung cấp dịch vụ như Viettel, VNPT

- Mọi nội dung cuộc họp phải được ghi hình, ghi âm, lưu trữ và dễ dàng phát lại. Hệ thống phải đáp ứng khả năng mở rộng, giao tiếp với các thiết bị phụ trợ. Người dùng tại các điểm khác nhau có thể kết nối, tham dự trực tiếp bằng hình ảnh và âm thanh; có thể chia sẻ các ứng dụng, dữ liệu số từ một điểm đến nhiều điểm. Có thể tham gia cuộc họp trực tuyến từ Internet qua các điểm đầu cuối cá nhân như Ipad, Iphone, Laptop...

- Tại điểm cầu chính, hệ thống phải đáp ứng cho phòng họp hội trường với khoảng 150 người tham dự. Tại các điểm chi nhánh, hệ thống đáp ứng phòng họp nhỏ từ 30-50 người tham dự.

4.3. Áp dụng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số

Cùng với việc xây dựng, triển khai email, các phần mềm trong toàn hệ thống Hội và nâng cấp, hoàn thiện CSHT, giai đoạn 2011-2015 Hội sẽ tăng cường an toàn, bảo mật, xác thực trong các giao dịch điện tử của Hội bằng các hoạt động cụ thể:

- Tập huấn, nâng cao nhận thức, kiến thức cho cán bộ Hội về hệ thống chứng thực, quy chế

quản lý, sử dụng chứng thư số...

- Nghiên cứu định hướng, kế hoạch của Chính phủ, Bộ Thông tin & Truyền thông (TT&TT), Bộ Nội vụ trong việc triển khai hệ thống chứng thực chữ ký số quốc gia, ứng dụng áp dụng chứng thực chữ ký số trong hệ thống thông tin của Hội.

Triển khai, duy trì dịch vụ chứng thực chữ ký số và phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để tích hợp chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số vào các ứng dụng; tích hợp hệ thống xác thực điện tử cùng với việc xây dựng, triển khai các phần mềm ứng dụng của Hội.

4.4. Xây dựng CSHT, trang thiết bị CNTT

CSHT CNTT lỗi thời, lạc hậu, xuống cấp của Hội hiện, không chỉ không đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng, phát triển phần mềm ứng dụng mà còn luôn xảy ra hỏng hóc, ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ chuyên môn của Hội. Việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì CSHT CNTT hiện tại của Hội tốn nhiều thời gian, công sức mà không có hiệu quả, đặc biệt là hiệu quả cung cấp dịch vụ, hạ tầng phần cứng cho việc ứng dụng CNTT của Hội.

Cùng với đó, việc xây dựng lại trụ sở cơ quan TW Hội (giai đoạn 2016-2018) sẽ không duy trì được hệ thống mạng LAN cơ quan và TTTHDL hiện tại TW Hội hiện tại. Việc xây dựng lại trụ sở đồng nghĩa với việc xây dựng lại hệ thống mạng LAN của Hội. Nhu cầu ứng dụng CNTT, khai thác, sử dụng CSHT CNTT của Hội ngày càng cao theo xu hướng chung của sự phát triển CNTT.

Do đó, cùng với trụ sở mới, giai đoạn 2018-2020, Hội cần đầu tư CSHT CNTT hiện đại hơn, sẵn sàng đáp ứng các thay đổi, bổ sung, phát triển ứng dụng CNTT của Hội.

Các hạng mục đầu tư CSHT CNTT gồm:

- Trang thiết bị CNTT: máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, thiết bị an ninh mạng và các thiết bị chuyên dụng khác đảm bảo nhu cầu khai thác, ứng dụng CNTT của Hội LHPN Việt Nam.

- Phần mềm thương mại: gồm phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại đảm bảo cung cấp đầy đủ theo nhu cầu của Hội về các dịch vụ, phát triển, ứng dụng CNTT...

- Mạng LAN gồm mạng LAN có dây và mạng LAN không dây, đáp ứng nhu cầu trao đổi, chia sẻ thông tin nội bộ, giữa Hội với bên ngoài của cán bộ Hội.

CSHT CNTT của Hội cần đáp ứng yêu cầu:

- Đồng bộ, phù hợp với trang thiết bị, trụ sở mới của cơ quan TW Hội.
- Kế thừa tối đa hệ thống máy chủ và trang thiết bị CNTT hiện có tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Hội LHPN Việt Nam.

- Công nghệ hiện đại theo chuẩn hệ thống mở phù hợp với xu hướng phát triển;

- Đảm bảo được nhu cầu gia tăng các dịch vụ, tăng số lượng người dùng trong tương lai;

- Tính ổn định cao, đảm bảo khả năng hoạt động liên tục;

- Độ tin cậy cao, đảm bảo hiệu suất khai thác dịch vụ, hạn chế xảy ra lỗi;

- Đảm bảo độ an toàn thông tin dữ liệu tối đa, chống các hành vi tấn công;

- Hiệu suất sử dụng cao, sử dụng tài nguyên thông tin hợp lý;

- Thuận lợi, dễ dàng trong vận hành và quản trị mạng;

- Tiết kiệm chi phí vận hành, bảo dưỡng;

Cụ thể, giai đoạn 2016-2020, các hạng mục CSHT CNTT như sau:

a. Tổng thể hệ thống:

Hình 1. Mô hình hệ thống mạng – TTTHDL Hội LHPN đến 2020

- Phân mạng Core (Core Zone): gồm các bộ chuyển mạch (core switch) nhiều lớp với dung lượng và tốc độ chuyển mạch lớn (gigabit), số cổng kết nối tương đương với nhu cầu trao đổi dữ liệu nội bộ trong hệ thống và kết nối với bên ngoài.

- Phân mạng CSDL (Database zone): gồm các máy chủ CSDL

- Phân mạng ứng dụng (Application Server zone): gồm các máy chủ ứng dụng, dịch vụ nội bộ hiện có của Hội; các máy chủ chạy Phần mềm công thông tin điện tử (nếu có); máy chủ chức năng ảo hóa cài các Phần mềm ứng dụng nội bộ theo đề án này. Phân vùng này phải được thiết lập bảo mật cao, có thể kiểm soát và ngăn chặn kịp thời các hành động tấn công, truy nhập trái phép.

- Phân mạng lưu trữ tập trung (SAN/NAS segment): gồm thiết bị lưu trữ tập trung (Storage Disk) và thiết bị chuyển mạch SAN (SAN switch) phục vụ nhu cầu lưu trữ cho các máy chủ dịch vụ, máy chủ CSDL, và các nhu cầu quản lý, backup lưu trữ tập trung của toàn hệ thống CNTT của Hội. Việc sao lưu dự phòng sẽ được sử dụng các phần mềm sao lưu dự phòng tự động theo lịch đặt trước của người quản trị tùy theo tính chất quan trọng của dữ liệu.

- Phân mạng Internet (Internet zone): gồm các thiết bị mạng, thiết bị cân bằng tải hai chiều để cân bằng tải qua các kết nối Internet.

- Phân mạng máy chủ dịch vụ (Internet server segment): gồm các máy chủ dịch vụ công cộng kết nối với mạng Internet, hỗ trợ người dùng truy nhập vào email, Công thông tin điện tử, Máy chủ dịch vụ truyền nhận file (FPT) của Hội.

- Phân mạng mạng không dây (Wifi segment): Người dùng kết nối với vùng này chủ yếu để truy nhập Internet. Bộ quản lý mạng không dây cho phép người dùng có thể roaming giữa các vùng phủ sóng Wifi, xác thực và phân quyền truy nhập, ...

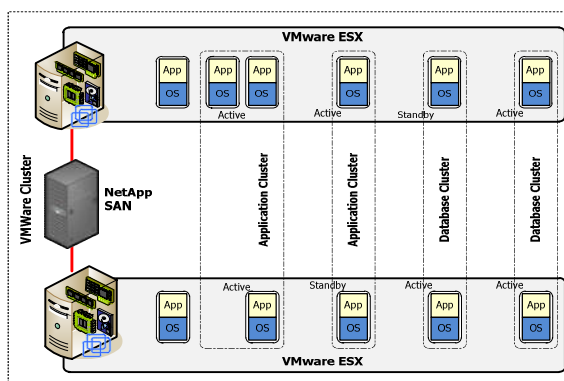
- Phân mạng kết nối nội bộ (Intranet segment): hỗ trợ cho kết nối mạng diện rộng của Hội từ các đơn vị không nằm trong trụ sở của Hội.

- Phân mạng quản lý (Management zone): gồm các máy chủ, thiết bị quản lý mạng, quản lý tập trung firewall, IPS, quản lý tập trung hệ thống chống Virus, ghi log. - Phân mạng người dùng mạng LAN (User zone): Phân vùng này được chia thành nhiều VLAN hoặc Domain Group theo các nhóm, phòng ban chức năng.

b. Máy chủ:

- Kế thừa hệ thống máy chủ hiện có của Hội (nếu được).

- Trang bị thêm hệ thống máy chủ lớn, công nghệ công nghệ RISC để ảo hóa, có khả năng nâng cấp linh động các thành phần quan trọng như vi xử lý, bộ nhớ RAM, ổ đĩa cứng.



Hình 2. Mô hình logic của hệ thống máy chủ ứng dụng với tính năng ảo hóa

Yêu cầu cấu hình tối thiểu máy chủ trang bị mới như sau:

- Công nghệ RISC 64-bit; tối thiểu 16 core; tốc độ tối thiểu 3.6 GHz.

- Có khả năng thay đổi động đáp ứng cả hai loại tải: thông lượng lớn nhiều tiến trình cùng xử lý và xử lý lớn trên một tiến trình

- Tối thiểu 128 thread; cache L3 trên mỗi bộ xử lý \geq 8MB; cache L2 trên mỗi core \geq 128K.
- RAM tối thiểu 128GB, có khả năng mở rộng lên 512 GB
- HDD 4x300GB SAS có khả năng thay thế nóng, nâng cấp
- RAID: Hỗ trợ RAID 10
- I/O port: 01 VGA, 04 USB
- Network interface: 02 Port Gigabit Ethernet; SAN interface: 2x8 GB FC Port
- Power supply: Redundant Power, Hot-swap or Hot-plug Power Supply

c. Trang thiết bị mạng:

Trang thiết bị mạng phải đồng bộ, có khả năng định tuyến, chuyển mạch dữ liệu tốc độ cao, ổn định trong phạm vi mạng LAN, mạng diện rộng; đồng bộ với thiết bị an ninh mạng, thiết bị lưu trữ. Hệ thống phải đảm bảo an toàn khi vận hành, chống rò rỉ thông tin hoặc mất mát dữ liệu.

Thiết bị chuyển mạch lõi (Core Switch) tương đương Cisco Catalyst 3650 hoặc cao hơn. Đáp ứng tối thiểu 24 10/100/1000T ports, 4 GE/SFP ports, Standard Multilayer.

Thiết bị lưu trữ tập trung tương đương thiết bị FAS2220 hoặc cao hơn. Cấu hình tối thiểu đáp ứng dual controller, 12x600GB SAS HDD Support: FC SAN, iSCSI, CIFS NAS, Snapshot Backup, Filweview GUI Management, licensed for 6TB, 3TB raw SAS or SATA.

Thiết bị chuyển mạch SAN (SAN Switch) tương đương FC 1/2/4/8Gbps licensed 8 ports, upgradable to 24 ports hoặc cao hơn.

Thiết bị bảo mật hệ thống email tương đương Cisco Ironport hoặc cao hơn. Có cấu hình và dịch vụ tối thiểu: storage: \geq 300G; network Interface: 2-4 x 10/100/1000 Interfaces

Thiết bị lưu điện UPS chuẩn Smart-UPS RT từ 10.000VA/8000W trở lên để đảm bảo an toàn nguồn điện cho hệ thống.

Hệ thống phải được thiết lập đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; bảo mật, an toàn và an ninh mạng.

d. Phần mềm thương mại:

Phần mềm thương mại bao gồm: hệ điều hành; hệ quản trị CSDL; phần mềm nền tảng Công TTĐT, phần mềm khung phát triển các ứng dụng trên Công TTĐT. Đáp ứng yêu cầu cụ thể:

- HĐH tương thích, phù hợp với máy chủ và các phần mềm thương mại; dễ cài đặt, quản trị, nâng cấp, vá lỗi; giao diện thân thiện; hỗ trợ các sản phẩm phần mềm thương mại và kế thừa từ hệ thống cũ (HĐH Windows Server Standard 2012 hiện có).

- Hệ quản trị CSDL phải đáp ứng lượng lớn truy cập tốc độ cao với thời gian đáp ứng nhanh; quản lý khối lượng dữ liệu lớn hoạt động ổn định, liên tục trong thời gian dài; có cơ chế backup, phục hồi dễ dàng; dễ vận hành, quản trị; giao diện thân thiện; nhanh chóng đưa vào hoạt động ở chế độ cluster, hỗ trợ load balancing khi có nhu cầu mở rộng, đảm bảo độ tin cậy của hệ thống và kế thừa được hệ thống cũ (hệ quản trị CSDL SQL Server Standard 2012 hiện có).

- Công thông tin là nền tảng vận hành ứng dụng, hỗ trợ tương tác giữa người dùng với dữ liệu công và các dữ liệu của các CSDL khác trong hệ thống. Do đó, nó cần đáp ứng các tính năng sau:

- + Dễ dàng phát triển các chức năng mở rộng, tùy chỉnh giao diện người dùng;

- + Tự động hóa các quy trình như thông qua các tài liệu, các khai báo, và các tác vụ cộng tác với Workflow Designer.

- + Tạo các ứng dụng báo cáo và theo dõi với việc xem và tạo dữ liệu để dễ dàng tập hợp và tổng kết từ các dữ liệu bên ngoài, dữ liệu có sẵn cũng như thư viện trên Website.

- + Có khả năng mở rộng các giải pháp bằng các tương tác phát triển ứng dụng như Microsoft ASP.NET, Microsoft Visual Studio...

- + Hỗ trợ cung cấp các công cụ tạo lập các trang dữ liệu, công cụ báo cáo.

+ Hỗ trợ tự động hóa quy trình làm việc một cách thống nhất, dễ dàng.

+ Có khả năng tích hợp dữ liệu vào trang và xuất bản thông tin với chuẩn XSLT (eXtensible Stylesheet Language Transformation). Hỗ trợ các các công cụ truy cập qua XSLT Data Views, List View Web Parts, Web Part connections, ASP.NET controls, và workflow...

e. Mạng LAN cơ quan TW Hội:

Mạng LAN cơ quan TW phải được phân tách, kết nối ra ngoài theo 2 đường riêng biệt đáp ứng: kết nối nội bộ bằng mạng LAN có dây và kết nối ra ngoài bằng mạng LAN không dây.

- Mạng LAN có dây phải bao trùm toàn bộ các phòng làm việc, phòng họp của cơ quan TW Hội, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho 100% cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Có khả năng kiểm duyệt mạng đối với mọi trao đổi giữa các máy trong mạng với bên ngoài. Theo dự tính, mạng LAN cơ quan TW Hội tương đối lớn (trên 300 node mạng, phân bố tại trên 15 switches 24 cổng).

- Mạng LAN không dây phải có phạm vi phủ mạng bao trùm các phòng họp chung, các tầng của trụ sở. Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin ra ngoài. Theo dự kiến, cần trên 30 node mạng để kết nối mạng không dây.

e. Máy tính, máy in, thiết bị tin học: đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng về cấu hình để thực hiện tốt các phần mềm ứng dụng và đáp ứng nhu cầu công việc

II.5. Bảo đảm nguồn nhân lực CNTT

5.2. Tăng cường nhân lực và kiện toàn đơn vị chuyên trách CNTT

a) Tại cơ quan TW Hội

- Thành lập Ban Chỉ đạo Ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội LHPN Việt Nam do Phó Chủ tịch Thường trực làm Trưởng ban.

- Kiện toàn Trung tâm thông tin tư liệu (VP TW Hội) theo hướng đơn vị chuyên trách, tham mưu đề xuất, triển khai ứng dụng CNTT trực thuộc Đoàn Chủ tịch TW Hội theo tinh thần Nghị định 64/NĐ-CP. Nâng cao chất lượng, quy mô Trung tâm để đủ tầm, năng lực trong tham mưu, đề xuất ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội; giúp BCH, Đoàn chủ tịch trong công tác chỉ đạo ứng dụng CNTT; giúp Ban Chỉ đạo quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động UD CNTT hiệu quả.

- Bổ sung nhân lực làm chuyên trách CNTT với số lượng tối thiểu 7 người, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT theo hướng chuyên môn hoá hoạt động nghiệp vụ CNTT cụ thể:

+ Quản trị mạng, hệ thống: ít nhất 1 chuyên trách có trình độ từ cao đẳng trở lên một trong các chuyên ngành phần cứng, quản trị hệ thống, quản trị mạng, hệ thống thông tin và được đào tạo nâng cao về chuyên môn quản trị mạng, quản trị hệ thống.

+ Quản trị, vận hành CSDL, ứng dụng: ít nhất 2 chuyên trách có trình độ từ đại học trở lên một trong các chuyên ngành phần mềm, hệ thống thông tin. Trong đó ít nhất có 01 chuyên trách được đào tạo nâng cao về chuyên môn.

+ Phát triển hệ thống, quản lý hệ thống chứng thư số, chứng thực điện tử: ít nhất 2 chuyên trách có trình độ đại học CNTT trở lên chuyên ngành bảo mật hệ thống.

+ Quản trị Cổng thông tin điện tử: 1 chuyên trách có trình độ từ đại học trở lên chuyên ngành tin học quản lý, được đào tạo nâng cao về quản trị hệ thống, quản trị cổng thông tin điện tử.

+ Hỗ trợ kỹ thuật máy tính: ít nhất 1 chuyên trách có trình độ từ cao đẳng trở lên chuyên ngành phần cứng CNTT.

b) Tại các đơn vị cấp 2

Ngoài đơn vị chuyên trách CNTT của TW Hội LHPN Việt Nam, các đơn vị cấp 2 cũng cần bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT. Mỗi đơn vị cần có từ 1-3 cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ từ trung cấp trở lên tùy theo nhu cầu cụ thể của đơn vị.

c) Đối với các cơ quan Hội LHPN tỉnh/thành

Đối với cơ quan Hội LHPN tỉnh/thành, mỗi tỉnh/thành Hội cần có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ từ cao đẳng trở lên, chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất và tổ chức các hoạt động CNTT tại tỉnh/thành Hội.

5.2 Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ứng dụng CNTT

Cán bộ và năng lực cán bộ là yếu tố then chốt, là nhân tố đóng vai trò quyết định trong sự thành bại của mỗi hoạt động. Trong giai đoạn đẩy mạnh ứng dụng CNTT 2016-2020, nguồn nhân lực ứng dụng CNTT của Hội cần được đảm bảo về số lượng, chất lượng; cần tập trung đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ lãnh đạo và cán bộ sử dụng CNTT. Đào tạo được chia làm ba mức như sau:

- Đào tạo mức 1 cho toàn thể cán bộ Hội nhằm nâng cao nhận thức về CNTT, các văn bản CNTT; khai thác sử dụng máy tính; sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng MS Office; truy nhập, khai thác, sử dụng Internet, thư tín điện tử.

- Đào tạo mức 2 khai thác, sử dụng, vận hành các phần mềm ứng dụng; sử dụng phần mềm mã nguồn mở thay thế các phần mềm có bản quyền cho cán bộ Hội cấp TW, cấp tỉnh/thành và cán bộ cấp huyện, xã sử dụng các phần mềm ứng dụng.

- Đào tạo mức 3 chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ tham gia dự án CNTT để tiếp nhận chuyển giao công nghệ và quản trị, vận hành, triển khai hệ thống CSHT, các phần mềm ứng dụng

Cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ CNTT, cần phải tổ chức các cuộc tham quan, học tập trong và ngoài nước để cán bộ Hội tiếp cận với công nghệ mới trong CNTT, cũng như học tập kinh nghiệm, phương thức triển khai các chương trình ứng dụng CNTT của bạn.

Đồng thời, trong giai đoạn này, Hội LHPN Việt Nam sẽ tổ chức Hội thi Tin học không chuyên dành cho cán bộ Hội phụ nữ cấp cơ sở. Cuộc thi sẽ tạo môi trường động viên, cổ vũ, khuyến khích và thúc đẩy cán bộ Hội phụ nữ cơ sở tiếp cận, sử dụng máy tính, ứng dụng CNTT.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

III.1. Giải pháp tổ chức

- Lãnh đạo TW Hội LHPN Việt Nam quyết tâm, tập trung chỉ đạo các hoạt động ứng dụng CNTT trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam một cách triệt để, đồng bộ. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp Hội với hoạt động ứng dụng CNTT.

- Thành lập Ban chỉ đạo CNTT Hội LHPN Việt Nam.

- Ban Tổ chức và Văn phòng TW Hội LHPN Việt Nam đẩy mạnh công tác tham mưu kiện toàn bộ máy, bổ sung biên chế đơn vị chuyên trách CNTT. Trước mắt Văn phòng TW Hội điều phối nội bộ, sử dụng các chỉ tiêu biên chế về hưu để ưu tiên cho biên chế chuyên trách CNTT.

- Kết hợp chặt chẽ triển khai ứng dụng CNTT với chương trình cải cách hành chính trong toàn hệ thống Hội. Lấy mục tiêu của ứng dụng CNTT là đòn bẩy thúc đẩy cải cách hành chính, tăng hiệu quả quản lý, điều hành của Hội.

III.2. Giải pháp triển khai:

- Ban Chỉ đạo CNTT Hội LHPN Việt Nam là đơn vị chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động CNTT; Trung tâm thông tin là đơn vị đầu mối xây dựng triển khai các hoạt động CNTT; các đơn vị chuyên môn phối kết hợp chặt chẽ, đảm bảo hệ thống phù hợp với nhu cầu chuyên môn.

- Tích cực hoàn thiện báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Tin học hoá công tác QLĐH Hội LHPN Việt Nam và xây dựng Cổng thông tin điện tử Hội LHPN Việt Nam” trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đầu tư theo tinh thần công văn số 3884/BKHĐT-LĐVX ngày 18/6/2015 của Bộ Kế hoạch đầu tư về việc thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

- Xây dựng các dự án khả thi cụ thể hoá Kế hoạch theo từng giai đoạn cụ thể. Xây dựng kế hoạch từng năm triển khai Kế hoạch và dự án khả thi
- Tận dụng tối đa, hiệu quả CSHT, các kết quả nghiên cứu, triển khai của giai đoạn trước. Tăng cường thuê dịch vụ phần cứng, phần mềm theo tinh thần Quyết định 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan Nhà nước.
- Áp dụng đúng, đủ và có sáng tạo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Thông tin truyền thông trong các từng hạng mục triển khai kế hoạch.
- Tìm kiếm, tận dụng tối đa kiến thức, kinh nghiệm và có chọn lọc của các đơn vị tư vấn, đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT.
- Xây dựng và tích hợp các CSDL phục vụ QLĐH của Hội và mục đích sử dụng chung.
- Kiến nghị Bộ TT&TT hỗ trợ kỹ thuật, giải pháp, phương thức thực hiện; chỉ đạo các sở TT & TT quan tâm, thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các tổ chức đoàn thể nói chung và Hội LHPN Việt Nam nói riêng.
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm do TW Hội triển khai tới các cấp Hội.
- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường sử dụng dữ liệu điện tử trong hệ thống Hội. Quy định trách nhiệm của người đứng đầu, BCH Hội LHPN các cấp về việc chỉ đạo, ứng dụng CNTT và sử dụng phần mềm ứng dụng do TW Hội triển khai.

III.3. Giải pháp tài chính:

a) Cấp Trung ương

- Ban Kế hoạch Tài chính tham mưu, đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn ngân sách: ngân sách đầu tư, ngân sách sự nghiệp ngành Thông tin và Truyền thông và kinh phí chi thường xuyên của Hội LHPN Việt Nam.
- Phối hợp với đơn vị chức năng hoàn thiện các thủ tục đảm bảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư “Dự án Tin học hoá công tác QLĐH Hội LHPN Việt Nam và xây dựng Cổng thông tin điện tử Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2016-2018 được cấp kinh phí thực hiện.
- Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện ứng dụng CNTT giai đoạn 2018-2020 theo Kế hoạch đầu tư Trung hạn 5 năm 2016-2020 của Đoàn Chủ tịch TW Hội và thực trạng nhu cầu UD CNTT của Hội.
- Đẩy mạnh các hoạt động liên kết, phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ lớn; tăng cường huy động kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án trong nước và quốc tế.
- Trước mắt, Hội sẽ cân đối từ nguồn kinh phí đào tạo lại để phân bổ kinh phí tập huấn nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ cơ quan TW Hội.

b) Cấp Tỉnh/thành

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch truyền thông trong việc xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT.

III.4. Giải pháp môi trường chính sách:

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Luật CNTT, các chủ trương, chính sách về ứng dụng CNTT trong toàn hệ thống Hội.
- Ban hành các văn bản quy định về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội; quy định sử dụng Email trong giao dịch; quy định sử dụng phần mềm, hệ thống dựa trên đặc thù của từng hệ thống, từng phần mềm; quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của Hội LHPN Việt Nam.
- Thành lập và ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Ứng dụng CNTT Hội LHPN Việt Nam. Kiện toàn và ban hành chức năng nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách CNTT

cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam.

- Kiến nghị, đề xuất với Ban Tổ chức TW, Bộ Nội vụ xây dựng chức danh, phân bổ chỉ tiêu biên chế và có cơ chế chính sách ưu đãi thu hút nguồn nhân lực CNTT vào làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội.

III.5. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc ứng dụng CNTT, Chính phủ điện tử cho cán bộ Hội, hội viên phụ nữ.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng và làm chủ phần mềm trong phạm vi công tác chuyên môn cho cán bộ Hội các cấp.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ chuyên trách CNTT cấp TW và tỉnh/thành Hội.

- Đào tạo tin học cho cán bộ, chuyên viên Hội, tạo khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ mới trong công việc thường xuyên, nhằm đáp ứng yêu cầu cao về hiệu quả và chất lượng công việc. Tạo cơ sở để nâng cao trình độ hiểu biết, nắm bắt và sử dụng CNTT trong mọi tầng lớp phụ nữ.

- Tổ chức cuộc thi ứng dụng CNTT cho cán bộ Hội phụ nữ cấp cơ sở.

III.6. Học tập kinh nghiệm

Tổ chức cho cán bộ chuyên trách CNTT của Hội tham gia, học tập các mô hình phát triển CNTT trong nước và quốc tế.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

STT	Danh mục hoạt động	Lộ trình thực hiện				
		2016	2017	2018	2019	2020
IV.1	XÂY DỰNG CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ HỘI LHPN VIỆT NAM	←→				
VI.2	ỨNG DỤNG CNTT TRONG HỆ THỐNG HỘI					
1	<i>Xây dựng ứng dụng và triển khai điem</i>					
	- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống Email.		←→			
	- Xây dựng phần mềm QLCB, hội viên.	←→				
	- Xây dựng phần mềm thu thập, xử lý, phân tích các thông tin liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới	←→				
	- Nâng cấp phần mềm báo cáo, thông kê Hội LHPN Việt Nam.		←→			
	- Xây dựng CSDL tài liệu lưu trữ điện tử	←→				
	- Xây dựng phần mềm Quản lý Văn bản điện tử và điều hành tác nghiệp			←→		
	- Xây dựng CSDL quốc gia về phụ nữ, giới và phát triển			←→		
	- Xây dựng CSDL văn bản luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ				←→	
2	<i>Triển khai các phần mềm ra diện rộng</i>				←→	
IV.3	ỨNG DỤNG PHỤC VỤ HỘI VIÊN, PHỤ NỮ					
1	Xây dựng phần mềm tiếp nhận và tư vấn các vấn đề về phụ nữ		←→			
2	Xây dựng và cung cấp các dịch vụ trực tuyến		←→			
IV.4	ĐẢM BAO HẠ TẦNG CNTT					
1	Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình Video conference			←→		

STT	Danh mục hoạt động	Lộ trình thực hiện				
		2016	2017	2018	2019	2020
2	Áp dụng hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số					
3	Thuê dịch vụ phần cứng đáp ứng nhu cầu triển khai phần mềm ứng dụng					
4	Đầu tư CSHT CNTT đáp ứng nhu cầu ứng dụng, khai thác sử dụng của Hội					
IV.5	ĐAM BAO NGUỒN NHÂN LỰC ỨNG DỤNG CNTT					
1	Kiểm toàn cơ quan chuyên trách CNTT					
2	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ					

V. DANH MỤC DỰ ÁN

1. Dự án tin học hoá công tác QLĐH và xây dựng Cổng thông tin điện tử Hội LHPN giai đoạn 2016-2018.

Đơn vị chủ trì: TW Hội LHPN Việt Nam.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Dự án tin học hoá công tác QLĐH Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2018-2020.

Đơn vị chủ trì: TW Hội LHPN Việt Nam.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Dự án xây dựng CSDL Quốc gia về phụ nữ.

Đơn vị chủ trì: TW Hội LHPN Việt Nam.

Đơn vị phối hợp: Bộ Thông tin và Truyền thông.

VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

Nếu kế hoạch được phê duyệt triển khai, hiệu quả của Kế hoạch dự kiến đạt được như sau:

- Thể hiện rõ nét sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với phụ nữ, phong trào phụ nữ Việt Nam và công tác Hội phụ nữ; đẩy mạnh chính sách đoàn kết dân tộc.

- Là cơ sở để Hội LHPN tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động Hội đảm bảo: xây dựng được cơ sở HTKT CNTT đủ mạnh, đáp ứng nhu cầu triển khai, ứng dụng CNTT trong hệ thống Hội; cán bộ Hội được nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, đáp ứng khả năng khai thác, sử dụng và làm chủ các phần mềm, hệ thống thông tin; đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT có đủ năng lực, nhân lực để vận hành, triển khai hệ thống;

- Ứng dụng CNTT, tăng cường sử dụng văn bản điện tử sẽ tiết kiệm thời gian, công sức, kinh phí, nguồn lực không chỉ cho Hội mà còn cho các đối tượng có liên quan. Hoạt động QLĐH của Hội được thực hiện trên mạng, thủ tục hành chính dần dần được cải tiến, mọi thông tin quản lý minh bạch, hiệu quả. Các hoạt động chuyên môn nội bộ được tin học hoá, cán bộ Hội làm việc khoa học, chuyên nghiệp hơn, thời gian giải quyết công việc chuyên môn được rút gọn và đảm bảo sự kế thừa liên tục khi có sự thay đổi nhân sự.

- Việc xây dựng đưa Cổng thông tin điện tử, các phần mềm ứng dụng của Hội vào vận hành góp phần vào sự thành công của công cuộc cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử. Hình thành nên hệ thống thông tin chính thống của Hội tuyên truyền tới phụ nữ và cộng đồng Việt Nam trong và ngoài nước về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, của Hội..

- Kết nối, hỗ trợ mọi tầng lớp phụ nữ tự lực vươn lên, hoà nhập cuộc sống, xây dựng gia đình đa văn hóa hạnh phúc, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, tương trợ và góp sức xây dựng quê hương.

- Tiếp nhận kịp thời tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ Việt Nam để đưa ra định hướng hoạt động Hội; tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về những chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới.

- Việc ứng dụng CNTT có hiệu quả nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội, tạo nên sự tác động mạnh mẽ đối với phụ nữ, nâng cao năng lực nhận thức về mọi mặt cho phụ nữ, góp phần thúc đẩy phong trào phụ nữ và bình đẳng giới; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội.

- Giảm chi phí, thời gian đi lại tham gia các cuộc họp, hội nghị; tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, chuyên viên Hội làm việc từ xa.

Nơi nhận:

- TT ĐCT;
- Bộ TT&TT,
- Ban Chỉ đạo CNTT Quốc gia,
- Bộ Kế hoạch - Đầu Tư,
- Bộ Tài chính,
- Lưu VT, Ban KHTC, TTTTTL.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

HOÀNG THỊ ÁI NHIÊN